| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ TH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: 108/2019/QĐST-HNGĐ | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| | *Sơn Trà, ngày 10 tháng 04 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - TH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

* *Người yêu cầu*: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm: 1991.

HKTT: K241A/27 đường T, phường A, quận T, Thành phố Đà Nẵng.

* *Người yêu cầu*: Ông Bùi Quang Th, sinh năm: 1986.

HKTT: K905/3 đường N, tổ 07 phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Bùi Quang Th xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống, suy nghĩ và cư xử lại trái ngược nhau nên từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xích mích, cãi vã, lạnh nhạt tình cảm với nhau. hiện đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2018 đến nay. Nay bà Tr và ông Th xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Tr và ông Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Tr và ông Th xác định có có 01 con Bùi Lê V, sinh ngày 05/10/2017. Ly hôn bà Tr và ông Th thỏa thuận giao con chung Bùi Lê V

cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.Việc tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GĐ chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Bà Tr và ông Th xác định không có.

[4] Về nợ chung: bà Tr và ông Th xác định không có

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng bà Tr và ông Th mỗi người chịu 150.000đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007726 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Bùi Quang Th thống nhất thuận tình ly hôn (*giấy chứng nhận kết hôn số 78/2017 quyển 01 ngày 28/6/2017 tại UBND phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng không còn giá trị*).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa bà Tr và ông Th như sau:Giao con chung Bùi Lê V, sinh ngày 05/10/2017 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Bà Tr và ông Th xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Tr và ông Th xác định không có.

- Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng bà Tr và ông Th mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007726 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND đăng ký kết hôn nêu trên;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

Đã ký

**Lương Thị Anh**